

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

**SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**  
TP. HỒ CHÍ MINH**ĐẾN** Số: 37814  
Giờ: Ngày 14 tháng 11 năm 13

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>2,587,106,064,517</b>	<b>2,281,972,775,048</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	V.1	<b>107,241,275,411</b>	<b>35,542,358,549</b>
1.	Tiền	111		107,241,275,411	35,542,358,549
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		<b>774,240,977,578</b>	<b>738,217,050,780</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	774,240,977,578	738,217,050,780
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>552,929,650,669</b>	<b>448,010,688,289</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	415,011,610,564	365,052,691,239
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	87,884,398,354	65,077,646,858
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	60,288,500,170	21,982,821,808
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(10,254,858,419)	(4,102,471,616)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>1,081,132,030,954</b>	<b>982,200,197,516</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	1,142,934,663,387	1,045,613,032,148
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(61,802,632,433)	(63,412,834,632)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>71,562,129,905</b>	<b>78,002,479,914</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4,200,299,064	2,246,631,934
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35,088,275,326	38,391,833,023
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	116,941,605	352,310,342
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	32,156,613,910	37,011,704,615



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>879,138,149,557</b>	<b>791,585,564,649</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>798,822,543,040</b>	<b>711,629,848,455</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	610,931,526,304	525,169,865,922
<i>Nguyên giá</i>	222		1,063,380,110,531	897,461,961,711
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(452,448,584,227)	(372,292,095,789)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	81,675,668,850	79,005,372,705
<i>Nguyên giá</i>	228		84,790,757,046	81,438,269,366
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,115,088,196)	(2,432,896,661)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	106,215,347,886	107,454,609,828
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7,545,267,990</b>	<b>9,200,574,651</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	7,545,267,990	9,200,574,651
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72,770,338,527</b>	<b>70,755,141,543</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	43,999,572,854	42,234,593,381
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	5,973,905,583	5,937,199,523
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	22,796,860,090	22,583,348,639
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,466,244,214,074</b>	<b>3,073,558,339,697</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,920,315,158,226</b>	<b>1,668,512,424,780</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,873,557,673,820</b>	<b>1,668,512,424,780</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,428,889,881,647	1,254,928,310,721
2. Phải trả người bán	312	V.20	165,349,725,711	122,717,034,688
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	7,502,257,931	8,238,394,638
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	30,509,957,592	15,155,559,271
5. Phải trả người lao động	315	V.23	58,040,049,301	36,632,280,265
6. Chi phí phải trả	316	V.24	22,250,162,394	22,847,648,611
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	55,726,437,324	113,014,525,861
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	62,189,201,920	51,878,670,725
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>46,757,484,406</b>	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		662,348,350	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	45,000,000,000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	1,095,136,056	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,458,992,244,993</b>	<b>1,328,996,900,367</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,458,992,244,993</b>	<b>1,328,996,900,367</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	614,049,130,000	475,112,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	4,051,510,313	3,991,224,376
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	687,296,820,035	696,298,161,346
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>86,936,810,855</b>	<b>76,049,014,550</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,466,244,214,074</b>	<b>3,073,558,339,697</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý III/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2013		Năm trước	Lấy từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Quý III/2013		Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.293,629,510,295	1.163,143,789,004	3,719,502,061,206	3,097,086,341,602		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	1,013,175,400	8,201,563,708	1,725,730,643		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,293,629,510,295	1,162,130,613,604	3,711,300,497,498	3,095,360,610,959		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,125,816,617,901	1,028,394,693,380	3,281,906,985,589	2,675,088,901,578		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		167,812,892,394	133,735,920,224	429,393,511,909	420,271,709,381		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28,100,716,786	22,858,603,621	79,721,585,786	50,576,735,151		
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	36,053,183,437	13,245,237,034	74,177,486,130	49,105,676,725		
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26,679,676,387	11,793,140,688	61,151,934,297	42,219,709,219		
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	59,702,513,239	59,355,148,591	170,738,619,344	152,004,910,348		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	26,467,642,524	19,375,500,586	66,838,966,242	52,589,318,368		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73,690,269,980	64,618,637,634	197,360,025,979	217,148,539,091		
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8,248,667,542	388,200,091	8,647,086,047	6,908,635,781		
12. Chi phí khác	32	VI.8	2,235,231,814	184,904,066	4,611,139,649	1,688,966,835		
13. Lợi nhuận khác	40		6,013,435,728	203,296,025	4,035,946,398	5,219,668,946		
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79,703,705,708	64,821,933,659	201,395,972,377	222,368,208,037		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	14,207,774,179	12,072,913,889	39,983,185,654	36,185,194,197		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	31,180,091	(873,167,438)	1,058,429,996	(342,514,038)		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65,464,751,438	53,622,187,208	160,354,356,727	186,525,527,878		
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		5,983,629,095	5,118,723,989	10,687,796,305	19,209,456,289		
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		59,481,122,343	48,503,463,219	149,666,560,422	167,316,071,589		
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	988	1,668	2,486	3,641		

  
 Đồng Tháp, ngày 12 tháng 11 năm 2013  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**  
 TP. CAO LÃNH - TỈNH ĐỒNG THÁP  
 Trương Thị Lệ Khanh  
 Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Thị Kim Đào  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		201,395,972,377	222,368,208,037
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	82,734,454,844	64,836,226,266
- Các khoản dự phòng	03	V.8	4,516,679,045	17,916,891,674
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(67,722,212,493)	(16,749,548,815)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	61,151,934,297	42,219,709,219
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		282,076,828,070	330,591,486,381
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(63,867,466,625)	(83,981,415,917)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(95,860,045,492)	(143,392,208,069)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17,404,276,097)	25,273,722,643
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,938,796,075)	(27,559,019,852)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(61,870,722,018)	(43,089,995,681)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(24,551,341,606)	(31,615,095,027)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		345,845,654	2,000,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9,821,135,538)	(12,416,413,056)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6,108,890,273</b>	<b>15,811,061,422</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(141,610,750,061)	(150,282,089,353)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		54,545,455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200,000,000,000)	(661,010,123,274)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		166,421,928,000	138,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26,423,974,303	11,469,100,148
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(148,710,302,303)</b>	<b>(661,323,112,479)</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19, V.28	4,666,893,463,870	2,710,564,146,625
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(4,453,166,385,693)	(2,265,995,317,840)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	-	(50,422,058,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>213,727,078,177</b>	<b>394,146,770,785</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>71,125,666,147</b>	<b>(251,365,280,272)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>35,542,358,549</b>	<b>329,424,956,877</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		573,250,715	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>107,241,275,411</b>	<b>78,059,676,605</b>

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 11 năm 2013

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Quý III/2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo; Chiết xuất và sản xuất Gelatin Collagen thủy phân.
- Tổng số các công ty con :** 05  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 05

#### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.	69,45%	69,45%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,13%	99,13%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, P11, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.	100%	100%



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### **4. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

##### *Tập đoàn là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

### 15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **16. Nguồn vốn kinh doanh**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### **17. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **18. Trích lập các quỹ**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/09/2013 : 21.036 VND/USD

### 21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII..



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.352.868.881	2.685.551.236
Tiền gửi ngân hàng	102.888.406.530	32.856.807.313
<b>Cộng</b>	<b><u>107.241.275.411</u></b>	<b><u>35.542.358.549</u></b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn trị giá 600 tỷ VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

#### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	162.701.671.344	200.083.421.316
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	48.983.030.911	28.776.077.519
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	3.516.720.000	423.545.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	199.810.188.309	135.769.647.404
<b>Cộng</b>	<b><u>415.011.610.564</u></b>	<b><u>365.052.691.239</u></b>

Một số khoản phải thu đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam chi nhánh TPHCM và ngân hàng Standard Chartered Việt Nam chi nhánh TPHCM.

#### 4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	69.912.538.457	62.162.293.766
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	127.139.133	2.402.529.262
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3		302.000.000
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	3.416.869.281	210.823.830
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	14.427.851.483	
<b>Cộng</b>	<b><u>87.844.398.354</u></b>	<b><u>65.077.646.858</u></b>

#### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	57.730.888.888	17.208.333.333
Phải thu Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	2.204.677.980	3.351.641.760
Các khoản phải thu khác	352.933.302	1.422.846.715
<b>Cộng</b>	<b><u>60.288.500.170</u></b>	<b><u>21.982.821.808</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	6.590.982.902	475.628.208
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.072.854.063	3.626.843.408
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	2.591.021.454	
<b>Cộng</b>	<b><u>10.254.858.419</u></b>	<b><u>4.102.471.616</u></b>

#### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	93.227.244	46.753.340.900
Nguyên liệu, vật liệu	274.566.106.125	145.132.019.750
Công cụ, dụng cụ	4.890.172.371	3.363.914.103
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	362.707.766.274	374.549.913.324
Thành phẩm	500.575.613.386	468.127.880.252
Hàng hóa	101.777.987	251.944.107
Hàng gửi đi bán		7.434.019.712
<b>Cộng</b>	<b><u>1.142.934.663.387</u></b>	<b><u>1.045.613.032.148</u></b>

Một số khoản phải thu đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam chi nhánh TPHCM và ngân hàng Standard Chartered Việt Nam chi nhánh TPHCM.

#### 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu kỳ	63.412.834.632
Hoàn nhập dự phòng	<u>(1.610.202.199)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>61.802.632.433</u></b>

#### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.221.913.119	1.007.907.670
Chi phí bảo hiểm	1.978.385.945	1.238.724.264
<b>Cộng</b>	<b><u>4.200.299.064</u></b>	<b><u>2.246.631.934</u></b>

#### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	31.474.846.710	33.773.425.015
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	681.767.200	3.238.279.600
<b>Cộng</b>	<b><u>32.156.613.910</u></b>	<b><u>37.011.704.615</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	370.821.413.702	496.475.636.959	26.942.349.301	3.222.561.749	897.461.961.711
Đầu tư XD/CB	66.449.166.068	7.646.916.574	526.611.640		74.622.694.282
Mua sắm mới	23.192.118.158	65.049.375.510	5.725.526.348	977.569	93.967.997.585
Tăng khác	291.627.240	-	14.401.656	8.261.304	314.290.201
Thanh lý tài sản	(731.466.953)	(202.895.949)			(934.362.902)
Giảm khác	(68.804.182)	(1.555.466.915)	(39.692.727)	(388.506.521)	(2.052.470.346)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>459.954.054.033</b>	<b>567.413.566.179</b>	<b>33.169.196.218</b>	<b>2.843.294.101</b>	<b>1.063.380.110.531</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	85.333.635.228	272.371.052.625	12.379.768.770	2.207.639.166	372.292.095.789
Khấu hao trong kỳ	27.710.844.724	50.912.285.847	3.028.016.308	386.295.710	82.037.442.589
Tăng khác	47.389.203		4.800.554	5.399.572	57.589.329
Giảm thanh lý và giảm khác	(235.523.112)	(1.443.854.242)	(27.682.116)	(231.484.220)	(1.938.543.690)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>112.856.346.253</b>	<b>321.839.484.230</b>	<b>15.384.903.516</b>	<b>2.367.850.228</b>	<b>452.448.584.227</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	285.487.778.474	224.104.584.334	14.562.580.531	1.014.922.583	525.169.865.922
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>347.097.707.780</b>	<b>245.574.081.949</b>	<b>17.784.292.702</b>	<b>475.443.873</b>	<b>610.931.526.304</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá theo sổ sách là 307.229.819.217 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

#### 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	80.553.973.566	884.295.800	81.438.269.366
Mua trong kỳ	3.328.308.400	39.000.000	3.367.308.400
Kết chuyển khác		(14.820.720)	(14.820.720)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>83.882.281.966</b>	<b>908.475.080</b>	<b>84.790.757.046</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.758.233.137	674.663.524	2.432.896.661
Kết chuyển khác		(14.820.720)	(14.820.720)
Khấu hao trong kỳ	639.424.628	57.587.627	697.012.255
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.397.657.765</b>	<b>717.430.431</b>	<b>3.115.088.196</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	78.795.740.429	209.632.276	79.005.372.705
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>81.484.624.201</b>	<b>191.044.649</b>	<b>81.675.668.850</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá theo sổ sách là 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	53.260.584.086	62.504.056.811	(64.411.219.883)	51.353.421.014
XDCB dở dang	54.194.025.742	77.246.074.803	(76.578.173.673)	54.861.926.872
Chi phí cho các ao nuôi cá	14.292.825.909	17.736.300.623	(27.599.508.037)	4.429.618.495
Công trình xây dựng nhà xưởng (Vĩnh Hoàn 2)	35.031.259.255	29.433.047.192	(46.184.010.330)	18.280.296.117
Nhà xưởng VH5		19.556.530.584		19.556.530.584
Xây dựng cơ bản dở dang khác	4.869.940.578	10.520.196.404	(2.794.655.306)	12.595.481.676
<b>Cộng</b>	<b>107.454.609.828</b>	<b>139.750.131.614</b>	<b>(140.989.393.556)</b>	<b>106.215.347.886</b>

### 14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 <sup>(i)</sup>	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	100.000.000.000 VND	69,45%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) <sup>(ii)</sup>	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 <sup>(iii)</sup>	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	99,13%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 <sup>(iv)</sup>	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 <sup>(v)</sup>	Chiết xuất và sản xuất Gelatin, Collagen thủy phân	80.000.000.000 VND	100%

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 1400604953 ngày 21 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 69.453.749.913 VND, tương đương 69,45% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 01 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực thực phẩm Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 02 tháng 12 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 25 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 68.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 34.661.162.850 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 33.338.837.150 VND.

#### 15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

#### 16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	32.317.994.248	10.795.667.650	(7.357.343.891)	35.756.318.007
Tiền thuê đất	9.916.599.133		(1.673.344.286)	8.243.254.847
<b>Cộng</b>	<b>42.234.593.381</b>	<b>10.795.667.650</b>	<b>(9.030.688.177)</b>	<b>43.999.572.854</b>

#### 17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau

Số đầu năm	5.937.199.523
Phát sinh trong kỳ	36.706.060
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.973.905.583</b>

#### 18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

#### 19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.428.889.881.647	1.254.928.310.721
- Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam - chi nhánh TPHCM <sup>(i)</sup>	21.444.455.171	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp		41.656.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	1.372.698.607.008	1.055.450.122.563
- Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh		129.825.647.941
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(iii)</sup>	34.746.819.468	27.996.540.217
<b>Cộng</b>	<b>1.428.889.881.647</b>	<b>1.254.928.310.721</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam – chi nhánh TPHCM để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và khoản phải thu.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 1 và 2).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn và khoản phải thu.

#### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:*

Số đầu năm	1.254.928.310.721
Số tiền vay phát sinh	4.621.893.463.870
Tăng do chênh lệch tỷ giá	5.234.492.749
Số tiền vay đã trả	<u>(4.453.166.385.693)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.428.889.881.647</u></b>

#### 20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	140.936.030.775	71.172.964.175
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản VH 1	16.556.594.808	46.580.235.141
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	7.768.747.671	4.960.689.085
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	88.352.457	3.146.287
<b>Cộng</b>	<b><u>165.349.725.711</u></b>	<b><u>122.717.034.688</u></b>

#### 21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	6.831.326.706	8.172.039.188
Tại Công ty TNHH Vĩnh Hoàn ( Hoa Kỳ)	10.120.000	
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	660.811.225	66.355.450
<b>Cộng</b>	<b><u>7.502.257.931</u></b>	<b><u>8.238.394.638</u></b>

#### 22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	-	5.341.139.869	(5.109.453.510)	231.686.359
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	42.176.700	34.608.906.745	(34.651.083.446)	
Thuế xuất, nhập khẩu <sup>(i)</sup>	(300.710.342)	478.554.409	(294.785.672)	(116.941.605)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.852.114.367	39.983.185.654	(23.848.763.622)	29.986.536.398
Thuế thu nhập cá nhân	1.261.268.204	1.958.616.172	(2.928.149.541)	291.734.835
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.410.401.879	(1.410.401.879)	
Các loại thuế khác	(51.600.000)	922.624.858	(871.024.858)	
<b>Cộng</b>	<b><u>14.803.248.929</u></b>	<b><u>84.703.429.586</u></b>	<b><u>(69.113.662.528)</u></b>	<b><u>30.393.015.987</u></b>

<sup>(i)</sup> Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Thủy sản xuất khẩu	0%
- Thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến, bột cá, thức ăn viên, lúa mì, bã nành, gạo	05%
- Thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn**

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

##### **Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000012 ngày 14 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (năm 2007), được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

##### **Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000117 ngày 27 tháng 8 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sấy, bóc vỏ lúa, sản xuất gạo đỏ và lau bóng gạo xuất khẩu với thuế suất thuế 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh.

Thu nhập từ các hoạt động khác của các Công ty trong Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

##### **Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)**

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp của nước Mỹ.

#### **Các loại thuế khác**

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

### **23. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

### **24. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.094.738.905	1.813.526.626
Tiền thuê đất phải trả	-	2.659.206.667
Chi phí phải trả cho luật sư	-	5.165.344.000
Chi phí vận chuyển	17.951.385.725	8.507.772.192
Chi phí khác	3.204.037.764	4.701.799.126
<b>Cộng</b>	<b><u>22.250.162.394</u></b>	<b><u>22.847.648.611</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	6.728.007.887	6.172.989.756
Cổ tức phải trả	28.260.000	28.260.000
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.287.166.545	1.983.775.356
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	46.786.572.622	103.191.208.579
Các khoản phải trả khác	896.430.270	1.638.292.170
<b>Cộng</b>	<b><u>55.726.437.324</u></b>	<b><u>113.014.525.861</u></b>

#### 26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR9

#### 27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	51.878.670.725
Trích quỹ trong kỳ	19.731.501.733
Chi quỹ trong kỳ	<u>(9.420.970.538)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>62.189.201.920</u></b>

#### 28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn 82 tháng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Đồng Tháp. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của giá trị nhà xưởng của Công ty CP thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1

Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay nhận nợ trong kỳ	<u>45.000.000.000</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>45.000.000.000</u></b>

#### 29. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.404.913	47.511.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	61.404.913	47.511.273
- Cổ phiếu phổ thông	61.404.913	47.511.273
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.206.163	46.312.523
- Cổ phiếu phổ thông	60.206.163	46.312.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Chênh lệch tỷ giá hối đoái*

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

#### 30. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	76.049.014.550
Tăng trong kỳ	10.887.796.305
<b>Cộng</b>	<b>86.936.810.855</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Tổng doanh thu	<b>3.719.502.061.206</b>	3.097.086.341.602
- Doanh thu bán hàng hóa	243.611.397.787	123.791.161.162
- Doanh thu bán thành phẩm	3.042.607.829.314	2.498.477.771.665
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.466.344.021	30.751.817.187
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	13.339.087.154	64.228.243.325
- Doanh thu phế phẩm	396.477.402.930	379.837.348.263
Các khoản giảm trừ doanh thu:	<b>(8.201.563.708)</b>	<b>(1.725.730.643)</b>
- Giảm giá hàng bán	(2.501.181.200)	(296.621.431)
- Hàng bán bị trả lại	(5.700.382.508)	(1.429.109.212)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.711.300.497.498</b>	<b>3.095.360.610.959</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	243.603.736.987	123.786.814.635
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.036.246.790.406	2.496.796.164.385
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	23.466.344.021	30.751.817.187
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	13.339.087.154	64.228.243.325
- Doanh thu thuần phế phẩm	394.644.538.930	379.797.571.427

### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của hàng hóa	216.083.711.626	92.502.935.429
Giá vốn của thành phẩm	2.699.903.085.724	2.170.040.483.207
Giá vốn của nguyên vật liệu	7.316.480.809	70.079.369.710
Giá vốn của phế phẩm	360.213.909.629	324.549.221.558
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.610.202.199)	17.916.891.674
<b>Cộng</b>	<b>3.281.906.985.589</b>	<b>2.675.088.901.578</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính





## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí khác	4.611.139.649	1.688.966.835
<b>Cộng</b>	<b>4.611.139.649</b>	<b>1.688.966.835</b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2013	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	149.666.560.422	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	149.666.560.422	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	60.206.163	
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.486</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm 2013</u>
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	
Mua nguyên vật liệu	13.265.107.960
Bán hàng hóa	644.571.543
<b>Các cá nhân có liên quan</b>	
Mua nguyên vật liệu	7.902.250.300
Bán hàng hóa	286.575.046

Ngoài ra, Bà Trương Thị Lệ Khanh cam kết với Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối đối với Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	19.198.773.247	18.361.247.350
Các cá nhân có liên quan	-	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<u>19.198.773.247</u>	<u>18.361.247.350</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.340.034.560	348.033.320
Các cá nhân có liên quan	-	5.019.916.900
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<u>3.340.034.560</u>	<u>5.367.950.220</u>

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>	
Mua hàng hóa, dịch vụ	10.043.436.598
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, DV, thành phẩm	9.975.988.541
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	5.889.914.318
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	15.127.630.168



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này*Công ty TNHH một thành viên chế biến thực**phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang*

Bán nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, DV

243.566.628.972

Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu

425.060.543.804

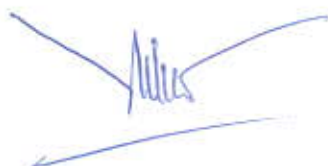
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa

82.035.311.398

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>CÔNG NỢ PHẢI THU</b>		
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền hàng	1.248.118.143	-
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	2.204.677.980	3.351.641.760
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	38.864.528.100	1.748.081.409
<b>CÔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.287.166.545	1.983.775.356
Phải trả tiền hàng	-	1.594.842.653
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền hàng	2.339.760.474	-
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	46.786.572.622	103.191.208.579

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 11 năm 2013



**Nguyễn Thị Kim Đào**  
Kế toán trưởng



**Trương Thị Lệ Khanh**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	471,512,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	613,942,189,127	1,243,040,928,148
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	3,600,000,000	-	-	-	-	(3,600,000,000)	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	210,450,024,756	210,450,024,756
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(32,604,006,537)	(32,604,006,537)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(91,905,046,000)	(91,905,046,000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	15,000,000	15,000,000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>475,112,730,000</b>	<b>190,492,000,000</b>	<b>(36,897,215,355)</b>	<b>3,991,224,376</b>	<b>-</b>	<b>696,298,161,346</b>	<b>1,328,996,900,367</b>
Số dư đầu năm nay	475,112,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	696,298,161,346	1,328,996,900,367
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	138,936,400,000	-	-	-	-	(138,936,400,000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	149,666,560,422	149,666,560,422
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(19,731,501,733)	(19,731,501,733)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh	-	-	-	60,285,937	-	-	60,285,937
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>614,049,130,000</b>	<b>190,492,000,000</b>	<b>(36,897,215,355)</b>	<b>4,051,510,313</b>	<b>-</b>	<b>687,296,820,035</b>	<b>1,458,992,244,993</b>

Đơn vị tính: VND



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 11 năm 2013

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc



Số: 253/2013-CV-VH

TP.Cao Lãnh, ngày 12 tháng 11 năm 2013

"V/v giải trình biến động của báo

cáo kết quả kinh doanh hợp nhất"

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 37813
	Giờ: Ngày 14 tháng 11 năm 13

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn xin được giải trình chênh lệch biến động giảm của kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý III năm 2013 so với Quý III năm 2012 như sau:

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Quý III/2013	Quý III/2012	chênh lệch (%)
Doanh thu thuần	1.293.629.510.295 VND	1.162.130.613.604 VND	+ 11,32 %
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	59.481.122.343 VND	48.503.463.219 VND	+22,63 %

Chênh lệch biến động lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Thu nhập từ tiền hoàn thuế môi trường đã nộp năm 2012 của công ty mẹ.
- Công ty kiểm soát tốt chi phí sản xuất thức ăn do đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất thức ăn từ công ty con tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty gửi đến Quý cơ quan.

Trân trọng kính chào./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP



TRƯỞNG THỊ LỆ KHANH